

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ D, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2022/DS-ST
Ngày 29 - 9 - 2022
V/v tranh chấp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ D, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Ông Tạ Thanh Bự

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ D.

Vào ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ D xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 321/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2021 về việc tranh chấp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Thanh H, sinh năm 1954; cư trú tại: Ấp Vàm Đ, xã Nguyễn H, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Cẩm T, sinh năm 1976; cư trú tại: Ấp Vàm Đ, xã Nguyễn H, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt)

2. Ông Ngô Bình V, sinh năm 1976; cư trú tại: Ấp Vàm Đ, xã Nguyễn H, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Liêu Phương Th; cư trú tại: Ấp Vàm Đ, xã Nguyễn H, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 26/10/2021, lời trình bày của ông H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thể hiện:*

Tháng 5/2018, anh V và chị T nhờ ông H đứng ra tham gia đàm 01 chung

hụi trong đây hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 30/5/2018, mỗi tháng khui 2 lần, gồm 36 chung do bà Liêu Phương Th làm chủ hụi. Quá trình tham gia anh V và chị T đóng được 1 đợt thì nhờ ông H bỏ hốt, số tiền hốt hụi là 133.700.000 đồng, sau khi đối trừ với số tiền vay 20.0000.000 đồng và lãi thì số còn lại ông H giao cho chị T và anh V nhưng không xác định được trừ bao nhiêu và giao bao nhiêu do thời gian đã lâu (có làm giấy giao tiền cho anh V và chị T – giấy tờ chị T và anh V quản lý). Sau khi hốt hụi thì anh V và chị T không đưa tiền cho ông H đóng hụi chết, ông H phải đứng ra đóng hụi chết cho bà Th. Anh V và chị T thống nhất nếu anh V và chị T không đóng hụi chết thì tính lãi. Đây hụi này đến nay đã mãn, số tiền hụi chết anh V và chị T nợ là 150.000.000 đồng, anh V và chị T có trả lãi được 20 tháng, mỗi tháng 4.000.000 đồng và 2 tháng, mỗi tháng 3.000.000 đồng, tổng tiền lãi đã thanh toán là 86.000.000 đồng. Ông H yêu cầu anh V và chị T trả cho ông số tiền hụi 150.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông H thay đổi yêu cầu khởi kiện, thống nhất với số tiền anh V chị T thừa nhận có thiếu ông số tiền 119.000.000 đồng đối trừ với số tiền đã thanh toán 86.000.000 đồng bằng 33.000.000 đồng, yêu cầu anh V và chị T trả số tiền vốn 33.000.000 đồng và số tiền lãi kể từ thời ngưng trả là tháng 1/2020 đến thời điểm xét xử.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Ngô Bình V trình bày:*

Đầu năm 2017 al, vợ anh là chị T có hỏi vay của ông H 20.000.000 đồng, lãi 100.000 đồng/ngày, đóng lãi được 1 năm bằng 36.000.000 đồng. Đầu năm 2018 al chị T tiếp tục hỏi vay thêm 50.000.000 đồng, lãi 300.000đồng/ngày. Gộp hai khoản vay lại là 70.000.000 đồng, lãi 400.000 đồng/ngày, mỗi tháng là 12.000.000 đồng, đóng được 6 tháng thì anh và chị T không có khả năng thanh toán nên khoảng cuối năm 2018 hai bên có ngồi lại tính số tiền vốn và lãi còn nợ ông H là 119.000.000 đồng, ông H yêu cầu trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng, anh và chị T không có khả năng nên ông H có yêu cầu địa phương giải quyết. Ngày 13/01/2019 địa phương mời giải quyết thì đến tháng 3 năm 2019 anh và chị T bắt đầu trả dần cho ông H mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 119.000.000 đồng. Tính đến thời điểm này anh V xác định đã trả dư cho ông H 1.000.000 đồng và không còn nợ ông H nên qua yêu cầu của ông H anh không đồng ý. Đối với số lãi đã thanh toán và số tiền trả dư anh không yêu cầu Tòa án xem xét.

Anh không có nhờ ông H tham gia hụi của bà Th, không hốt hụi và cũng không nhận tiền hốt hụi từ ông H nên không có giấy tờ gì. Đối với giấy nhờ tham gia hụi vợ chồng anh ký mà ông H cung cấp anh xác định anh và chị T có ký nhưng việc ký là thống nhất trả nợ dần như đóng hụi cho ông H. Qua yêu cầu của ông H anh không đồng ý.

** Bị đơn chị Nguyễn Cẩm T thống nhất với trình bày của anh V, không có ý kiến bổ sung.*

** Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Liêu Phương Th: Mặc dù đã được tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của ông H nhưng bà Th từ chối nhận văn bản của Tòa án, cho rằng không có liên quan và không tham gia hòa giải và xét xử.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Liêu Phương Th, anh Ngô Bình V và chị Nguyễn Cẩm T đã được Tòa án triệu tập tham gia tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông H khởi kiện yêu cầu anh V và chị T trả số tiền hui 150.000.000 đồng là vụ kiện tranh chấp hui thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa ông H thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh V và chị T trả số tiền vốn 33.000.000 đồng và lãi suất từ tháng 1/2020 đến ngày xét xử. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu trên của ông H là ý chí tự nguyện của ông, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Theo giấy mượn ông H tham gia hui ngày 21/6/2018, nội dung là nhờ ông H tham gia dây hui 5.000.000 đồng, mở ngày 30/5/2018 do bà Th làm chủ, tháng khui 2 lần vào ngày 15 và 30 hằng tháng (không thể hiện có bao nhiêu chung). Quy định mỗi kì anh V và chị T đóng 5.000.000 đồng, mỗi tháng là 10.000.000 đồng, nếu đóng trễ thì ông H tính lãi. Anh V và chị T thừa nhận có ký tên nhưng theo anh V và chị T xác định có nợ ông H số tiền 119.000.000 đồng nên ký tên thống nhất trả dần như tham gia hui.

Như vậy, dù ông H, anh V và chị T trình bày không thống nhất với nhau về số tiền anh V và chị T nợ ông H là tiền hui hay tiền vay nhưng anh V và chị T đã tự nguyện và thống nhất ký tên vào giấy mượn hui, đồng thời cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ thể hiện là số tiền vay nên có cơ sở xác định là anh H và chị T có nợ tiền hui ông H.

[4.2] Ông H thống nhất với số tiền anh V và chị T thừa nhận nợ ông là 119.000.000 đồng. Quá trình thanh toán, anh V và chị T cho rằng trả được 120.000.000 đồng, dư 1.000.000 đồng, lời trình bày của anh V chị T không được ông H thừa nhận, anh V và chị T cũng chứng minh được anh chị đã trả cho ông H bằng số tiền 120.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông H thừa nhận anh V và chị T trả được 86.000.000 đồng. Do đó, có cơ sở xác định 86.000.000 đồng. Đối trừ với số tiền vốn thì anh V và chị T còn nợ ông H là 33.000.000 đồng, xét yêu cầu của ông H là có cơ sở nên được chấp nhận.

[4.3] Về yêu cầu trả lãi: Ông H xác định anh V và chị T có trả tiền đến tháng 1/2020 thì ngưng trả. Ông yêu cầu trả lãi theo mức lãi suất pháp luật quy định tính từ thời điểm ngưng trả đến khi xét xử. Việc anh V và chị T chậm thực hiện nghĩa vụ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông H nên việc ông H yêu cầu anh V và chị T trả lãi là phù hợp, đúng quy định nên được chấp nhận. Lãi suất được tính như sau: Từ tháng 02/2020 đến ngày xét xử tương đương 2 năm 7 tháng x 33.000.000 đồng x 20%/năm = 17.050.000 đồng.

Từ các lập luận nêu trên có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông H Buộc anh V và chị T phải có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền 50.050.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh V và chị T phải chịu là 2.503.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh H. Buộc anh Ngô Bình V và chị Nguyễn Cẩm T có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền 50.050.000 đồng.

Kể từ ngày ông Lê Thanh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh V và chị T chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng anh V và chị T còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Thanh H không phải chịu. Anh V và chị T phải chịu là 2.503.000 đồng (anh V và chị T chưa nộp).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Mai